

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 155/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn T - Sinh năm 1971 - Địa chỉ: ấp 1, xã B, huyện Đ, tỉnh L.

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Văn T1 - Sinh năm 1969;
2. Bà Huỳnh Thị T2 - Sinh năm 1973;
3. Ông Huỳnh Văn T3 - Sinh năm 1976;
4. Bà Huỳnh Thị T4 - Sinh năm 1982;
5. Ông Huỳnh Văn T5 - Sinh năm 1984;
6. Bà Huỳnh Thị Tuyết T6 - Sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện Đ, L

7. Ông Huỳnh Văn T7 - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: Ấp 2, xã Bình Thành, huyện Đ, tỉnh L.

8. Ông Huỳnh Văn Hữu T8 - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp Hóc Thơm 2, xã Hòa Khánh Tây, huyện Đ1, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Huỳnh Văn T được trọn quyền sử dụng diện tích đất 335m² (khu A+ khu B) thuộc một phần thửa 244, loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xã B, huyện Đ, tỉnh L. Độ dài cụ thể của từng cạnh và vị trí tiếp giáp từng khu như sau:

Khu A:

Đông giáp thửa 215, dài 0,8m.

Tây giáp đường nhựa, dài 0,5m

Nam giáp thửa 244 phần còn lại, dài 47m.

Bắc giáp các thửa 1186, 181.

Khu B:

Đông giáp thửa 215, dài 6,2m.

Tây giáp đường nhựa, dài 6,5m

Nam giáp thửa 244 phần còn lại, dài 50,2m.

Bắc giáp thửa 244 phần còn lại, dài 47m.

- Ông Huỳnh Văn T5 được trọn quyền sử dụng 4.853,9m² (khu C + khu D + khu E + khu F) thuộc một phần thửa 244, loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xã B, huyện Đ, tỉnh L. Độ dài cụ thể của từng cạnh và vị trí tiếp giáp của diện tích 4.853,9m² (khu C + khu D + khu E + khu F) như sau:

Đông giáp các thửa 215, 243.

Tây giáp đường nhựa

Nam giáp ruộng nước và thửa 1361.

Bắc giáp thửa 244 phần còn lại.

Độ dài cụ thể từng cạnh và vị trí tiếp giáp của từng khu A, B, C, D, E, F theo mảnh trích đo địa chính số 601-2021 ngày 25-4-2022 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 18-5-2022 (được đính kèm theo quyết định).

Ông Huỳnh Văn T5 (đang quản lý, sử dụng đất) phải giao diện tích đất 335m² (khu A + khu B) thuộc một phần thửa 244, loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xã B, huyện Đ, tỉnh L cho ông Huỳnh Văn T (toàn bộ diện tích đất này bà Võ Thị Mười đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 936911, sổ vào sổ CH 02615 ngày 18-9-2015 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp).

- Ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn T5 có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bên được thi hành án làm thủ tục kê khai, đăng ký để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà

nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi một phần diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

- Ông T, ông T5 không tranh chấp về tài sản trên đất nên không xem xét giải quyết về tài sản trên đất.

2. Các ông bà: Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thị T2, Huỳnh Văn T3, Huỳnh Thị T4, Huỳnh Thị Tuyết T6, Huỳnh Văn T7, Huỳnh Hữu T8 có đơn không khởi kiện và không tham gia tố tụng nên không xem xét giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng 9.949.000 đồng. Ông T phải chịu 645.000 đồng. Ông Huỳnh Văn T5 phải chịu 9.304.000 đồng. Toàn bộ số tiền này ông T đã nộp tạm ứng và chi phí xong nên buộc ông T5 phải trả cho ông T 9.304.000 đồng.

4. Về án phí dân sự:

- Ông T phải chịu 586.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ với 500.000 tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0008918 ngày 11-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông T còn phải nộp 86.250 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Huỳnh Văn T5 phải chịu 8.494.325 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC.THADS huyện Đức Huệ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bích Liên

